

Số: 310 /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm và Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Quảng Trị;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Quảng Trị, địa chỉ: Khu phố 2, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: 43/2018/BYT-KNTP

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Quảng Trị có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. *Tuấn*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Nguyễn Thanh Long (để b/c);
- CT. Nguyễn Thanh Phong (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.



Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 310/QĐ-ATTP ngày 24... tháng... năm 2018
của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/định lượng /phạm vi đo (nếu có)
I. Lĩnh vực vi sinh				
1	Định lượng vi sinh vật tổng số trên đĩa thạch – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	TCVN 4884 -1/2 :2015	LOD: 10 CFU/g 1CFU/ml
2	Định lượng nấm men và nấm mốc trong mẫu có hoạt độ nước lớn hơn 0,95- Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 8275- 1:2010	LOD: 10 CFU/g 1CFU/ml
3	Định lượng nấm men và nấm mốc trong mẫu có hoạt độ nước nhỏ hơn 0,95- Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 8275- 2:2010	LOD: 10 CFU/g 1CFU/ml
4	Phương pháp định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính Coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch-Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker		TCVN 4830-1:2005	LOD: 10 CFU/g 1CFU/ml
5	Phương pháp định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính b-glucuronidaza-Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C		TCVN 7924-2:2008	LOD: 10 CFU/g 1CFU/ml
6	Phát hiện và định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> trong nước-Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	ISO 16266:2006	1 CFU/250ml

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/định lượng /phạm vi đo (nếu có)
7	Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> và Coliform trong nước Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	TCVN 6187-1:2009	1 CFU/250ml
8	Phát hiện và đếm khuẩn liên cầu khuẩn đường ruột trong nước Phương pháp màng lọc		TCVN 6189-2:2009	1 CFU/250ml
II. Lĩnh vực hóa lý				
9	Xác định pH	Nước uống đóng chai	TCVN 6492:2011	2-12
10	Xác định hàm lượng Amoni		TCVN 6200:1996	LOQ: 0,4 mg/L
11	Xác định tổng số Canxi và Magie		TCVN 6224:1996	LOQ: 5 mg/L CaCO ₃
12	Xác định Clor		TCVN 6194:1996	LOQ: 5 mg/L
13	Xác định Nitrat Phương pháp UV-VIS		TCVN 6180:1996	LOQ: 0,1 mg/L
14	Xác định Nitrit Phương pháp UV-VIS		TCVN 6178:1996	LOQ: 0,01 mg/L
15	Xác định hàm lượng Chì Phương pháp GF- AAS		KNQT/TQKT.MP/ 54.11	LOQ: 0,8 µg/kg
16	Xác định hàm lượng Cadmi Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử lò GF - AAS		KNQT/TQKT.MP/ 54.13	LOQ: 0,2 µg/kg
17	Xác định hàm lượng Chì Phương pháp GF- AAS	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	KNQT/TQKT.MP/ 54.11	LOQ: 40 µg/kg
18	Xác định hàm lượng Cadmi Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử lò GF - AAS		KNQT/TQKT.MP/ 54.13	LOQ: 10 µg/kg

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/định lượng /phạm vi đo (nếu có)
19	Xác định hàm lượng đường tổng - Phương pháp Lane-Eynon	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	KNQT/TQKT.HL/54.12	LOD: 0,38% LOQ: 1,27%
20	Xác định hàm lượng Glucid		KNQT/TQKT.HL/54.13	LOD: 0,40% LOQ: 1,33%
21	Xác định hàm lượng Glucosamin		KNQT/TQKT.HL/54.14	LOQ: 0,67 mg/g